

Số: 776/HĐQT-NHCT2.1

V/v Công bố thông tin Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành ra công chúng (kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021)

Hà Nội, ngày 14 tháng 7 năm 2021

CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM.

Công ty: Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Mã chứng khoán: CTG

Địa chỉ trụ sở chính: 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 39421030

Fax: 024 39421032

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Trần Minh Bình – Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

Địa chỉ: 108 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 024 39421030

Fax: 024 39421032

Loại thông tin công bố 24 giờ bất thường theo yêu cầu định kỳ

Nội dung thông tin công bố:

Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (VietinBank) công bố thông tin Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành ra công chúng (kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021).

(Chi tiết theo file đính kèm).

Thông tin này được công bố trên trang thông tin điện tử của VietinBank vào ngày 14/7/2021 tại đường dẫn <http://investor.vietinbank.vn>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. *tr*

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: NHCT99, NHCT55, NHCT2.1.

Tài liệu đính kèm:

- Báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành ra công chúng (kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021).

THÀNH VIÊN HĐQT KIÊM
TỔNG GIÁM ĐỐC



Trần Minh Bình

Số: 775/BC-HĐQT-NHCT55

Hà Nội, ngày 14 tháng 07 năm 2021

BÁO CÁO

Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp phát hành ra công chúng

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch Chứng khoán.

Căn cứ quy định tại Điểm c, Khoản 2, Điều 19 Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính v/v hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ("VietinBank") xin gửi tới Quý Cơ quan nội dung báo cáo định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu do VietinBank phát hành ra công chúng (06 tháng đầu năm 2021), cụ thể như sau:

- Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành ra công chúng**
(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021)
Chi tiết theo **Phụ lục 01** đính kèm.
- Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu phát hành ra công chúng theo nhà đầu tư**
(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021)
Chi tiết theo **Phụ lục 02** đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Lưu: NHCT99, NHCT55, NHCT2.1.

Thành viên HĐQT kiêm

Tổng Giám Đốc



Trần Minh Bình



NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

Phụ lục 01: Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu phát hành ra công chúng

(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021)

Đơn vị: đồng										
TT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Số dư đầu kỳ (01/01/2021)		Thanh toán trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ (30/06/2021)	
					Gốc	Lãi (*)	Gốc	Lãi	Gốc	Lãi
1	CTG1727T2/01	10 năm	14/11/2017	14/11/2027	2.000.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000.000	0
2	CTG1727T2/02	10 năm	14/12/2017	14/12/2027	2.200.000.000.000	0	0	0	2.200.000.000.000	0
3	CTG1828T2/01	10 năm	29/06/2018	29/06/2028	2.435.100.000.000	0	0	177.762.300.000	2.435.100.000.000	0
4	CTG1926T2/01	07 năm	27/09/2019	27/09/2026	2.000.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000.000	0
5	CTG1929T2/01	10 năm	27/09/2019	27/09/2029	2.000.000.000.000	0	0	0	2.000.000.000.000	0
6	CTG1926T2/02	07 năm	29/10/2019	29/10/2026	500.000.000.000	0	0	0	500.000.000.000	0
7	CTG1929T2/02	10 năm	29/10/2019	29/10/2029	500.000.000.000	0	0	0	500.000.000.000	0
8	CTG2028T2/01	08 năm	30/07/2020	30/07/2028	3.500.000.000.000	0	0	0	3.500.000.000.000	0
9	CTG2030T2/01	10 năm	30/07/2020	30/07/2030	3.500.000.000.000	0	0	0	3.500.000.000.000	0
10	CTG2028T2/02	08 năm	24/09/2020	24/09/2028	1.176.770.000.000	0	0	0	1.176.770.000.000	0
11	CTG2030T2/02	10 năm	24/09/2020	24/09/2030	1.282.450.000.000	0	0	0	1.282.450.000.000	0
	Tổng cộng				21.094.320.000.000	0	0	177.762.300.000	21.094.320.000.000	0

(*)Ghi chú: Số dư lãi đầu kỳ và cuối kỳ bằng 0 do lãi trái phiếu thanh toán định kỳ 1 năm 1 lần. Trong kỳ chỉ phát sinh lãi thanh toán với Trái phiếu CTG1828T2/01

NGÂN HÀNG TMCP CÔNG THƯƠNG VIỆT NAM

**Phụ lục 02: Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu phát hành ra công chúng theo nhà đầu tư
(Kỳ báo cáo từ ngày 01/01/2021 đến ngày 30/06/2021)**

Đơn vị: đồng							
STT	Loại Nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ		Thay đổi trong kỳ		Dư nợ cuối kỳ	
		Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng	Giá trị	Tỷ trọng
(1)	CTG1727T2/01						
I	Nhà đầu tư trong nước	2.000.000.000.000	100,0%	0	0%	2.000.000.000.000	100,0%
1	Nhà đầu tư có tổ chức	1.174.840.000.000	58,7%	10.550.000.000	0,5%	1.185.390.000.000	59,3%
	a) Tổ chức tín dụng	373.000.000.000	18,7%	4.500.000.000	0,2%	377.500.000.000	18,9%
	b) Quỹ đầu tư	255.000.000.000	12,8%	0	0,0%	255.000.000.000	12,8%
	c) Công ty chứng khoán	0	0,0%	4.950.000.000	0,2%	4.950.000.000	0,2%
	d) Công ty bảo hiểm	100.000.000.000	5,0%	0	0,0%	100.000.000.000	5,0%
	đ) Các tổ chức khác	446.840.000.000	22,3%	1.100.000.000	0,1%	447.940.000.000	22,4%
2	Nhà đầu tư cá nhân	825.160.000.000	41,3%	-10.550.000.000	-0,5%	814.610.000.000	40,7%
II	Nhà đầu tư nước ngoài	0	0,0%	0	0%	0	0,0%
	Tổng CTG1727T2/01	2.000.000.000.000	100,0%	0	0%	2.000.000.000.000	100,0%
(2)	CTG1727T2/02						
I	Nhà đầu tư trong nước	2.200.000.000.000	100,0%	0	0,0%	2.200.000.000.000	100,0%
1	Nhà đầu tư có tổ chức	1.342.460.000.000	61,0%	3.700.000.000	0,2%	1.346.160.000.000	61,2%
	a) Tổ chức tín dụng	586.000.000.000	26,6%	5.500.000.000	0,3%	591.500.000.000	26,9%
	b) Quỹ đầu tư	20.000.000.000	0,9%	50.000.000.000	2,3%	70.000.000.000	3,2%
	c) Công ty chứng khoán	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	d) Công ty bảo hiểm	175.000.000.000	8,0%	-50.000.000.000	-2,3%	125.000.000.000	5,7%
	đ) Các tổ chức khác	561.460.000.000	25,5%	-1.800.000.000	-0,1%	559.660.000.000	25,4%
2	Nhà đầu tư cá nhân	857.540.000.000	39,0%	-3.700.000.000	-0,2%	853.840.000.000	38,8%
II	Nhà đầu tư nước ngoài	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	Tổng CTG1727T2/02	2.200.000.000.000	100,0%	0	0%	2.200.000.000.000	100,0%
(3)	CTG1828T2/01						

Handwritten mark

2	Nhà đầu tư cá nhân	1.247.280.000.000	62,4%	-6.340.000.000	-0,3%	1.240.940.000.000	62,0%
II	Nhà đầu tư nước ngoài	22.500.000.000	1,1%	-10.000.000.000	0,0%	22.500.000.000	1,1%
1	Nhà đầu tư có tổ chức	10.000.000.000	0,5%	-10.000.000.000	0,0%	10.000.000.000	0,5%
	a) Tổ chức tín dụng	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	b) Quỹ đầu tư	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	c) Công ty chứng khoán	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	d) Công ty bảo hiểm	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	đ) Các tổ chức khác	10.000.000.000	0,5%	-10.000.000.000	-0,5%	0	0,0%
2	Nhà đầu tư cá nhân	12.500.000.000	0,6%	0	0,0%	12.500.000.000	0,6%
	Tổng CTG1929T2/01	2.000.000.000.000	100,0%	-10.000.000.000	0,0%	2.000.000.000.000	100,0%
(6)	CTG1926T2/02						
I	Nhà đầu tư trong nước	500.000.000.000	100,0%	0	0,0%	500.000.000.000	100,0%
1	Nhà đầu tư có tổ chức	282.320.000.000	56,5%	10.670.000.000	2,1%	292.990.000.000	58,6%
	a) Tổ chức tín dụng	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	b) Quỹ đầu tư	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	c) Công ty chứng khoán	0	0,0%	250.000.000	0,1%	250.000.000	0,1%
	d) Công ty bảo hiểm	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	đ) Các tổ chức khác	282.320.000.000	56,5%	10.420.000.000	2,1%	292.740.000.000	58,5%
2	Nhà đầu tư cá nhân	217.680.000.000	43,5%	-10.670.000.000	-2,1%	207.010.000.000	41,4%
II	II. Nhà đầu tư nước ngoài	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	Tổng CTG1926T2/02	500.000.000.000	100,0%	0	0,0%	500.000.000.000	100,0%
(7)	CTG1929T2/02						
I	Nhà đầu tư trong nước	499.000.000.000	99,8%	0	0,0%	499.000.000.000	99,8%
1	Nhà đầu tư có tổ chức	356.090.000.000	71,2%	-47.860.000.000	-9,6%	308.230.000.000	61,6%
	a) Tổ chức tín dụng	50.000.000.000	10,0%	-50.000.000.000	-10,0%	0	0,0%
	b) Quỹ đầu tư	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	c) Công ty chứng khoán	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	d) Công ty bảo hiểm	150.000.000.000	30,0%	0	0,0%	150.000.000.000	30,0%
	đ) Các tổ chức khác	156.090.000.000	31,2%	2.140.000.000	0,4%	158.230.000.000	31,6%
2	Nhà đầu tư cá nhân	142.910.000.000	28,6%	47.860.000.000	9,6%	190.770.000.000	38,2%
II	Nhà đầu tư nước ngoài	1.000.000.000	0,2%	0	0,0%	1.000.000.000	0,2%

Q

1	Nhà đầu tư có tổ chức	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
2	Nhà đầu tư cá nhân	1.000.000.000	0,2%	0	0,0%	1.000.000.000	0,2%
	Tổng CTG1929T2/02	500.000.000.000	100,0%	0	0,0%	500.000.000.000	100,0%
(8)	CTG2028T2/01						
I	Nhà đầu tư trong nước	3.487.750.000.000	99,7%	11.300.000.000	0,3%	3.499.050.000.000	100,0%
1	Nhà đầu tư có tổ chức	1.155.900.000.000	33,0%	2.200.000.000	0,1%	1.158.100.000.000	33,1%
	a) Tổ chức tín dụng	0	0,0%	95.000.000.000	2,7%	95.000.000.000	2,7%
	b) Quỹ đầu tư	0	0,0%	30.000.000.000	0,9%	30.000.000.000	0,9%
	c) Công ty chứng khoán	50.000.000.000	1,4%	0	0,0%	50.000.000.000	1,4%
	d) Công ty bảo hiểm	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	đ) Các tổ chức khác	1.105.900.000.000	31,6%	-122.800.000.000	-3,5%	983.100.000.000	28,1%
2	Nhà đầu tư cá nhân	2.331.850.000.000	66,6%	9.100.000.000	0,3%	2.340.950.000.000	66,9%
II	II. Nhà đầu tư nước ngoài	12.250.000.000	0,4%	-11.300.000.000	-0,3%	950.000.000	0,0%
1	Nhà đầu tư có tổ chức	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
2	Nhà đầu tư cá nhân	12.250.000.000	0,4%	-11.300.000.000	-0,3%	950.000.000	0,0%
	Tổng CTG2028T2/01	3.500.000.000.000	100,0%	0	0,0%	3.500.000.000.000	100,0%
(9)	CTG2030T2/01						
I	Nhà đầu tư trong nước	3.499.960.000.000	100,0%	0	0,0%	3.499.960.000.000	100,0%
1	Nhà đầu tư có tổ chức	1.269.990.000.000	36,3%	-444.350.000.000	-12,7%	825.640.000.000	23,6%
	a) Tổ chức tín dụng	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	b) Quỹ đầu tư	0	0,0%	150.000.000	0,0%	150.000.000	0,0%
	c) Công ty chứng khoán	470.000.000.000	13,4%	-400.000.000.000	-11,4%	70.000.000.000	2,0%
	d) Công ty bảo hiểm	0	0,0%	50.000.000.000	1,4%	50.000.000.000	1,4%
	đ) Các tổ chức khác	799.990.000.000	22,9%	-94.500.000.000	-2,7%	705.490.000.000	20,2%
2	Nhà đầu tư cá nhân	2.229.970.000.000	63,7%	444.350.000.000	12,7%	2.674.320.000.000	76,4%
II	Nhà đầu tư nước ngoài	40.000.000	0,0%	0	0,0%	40.000.000	0,0%
1	Nhà đầu tư có tổ chức	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
2	Nhà đầu tư cá nhân	40.000.000	0,0%	0	0,0%	40.000.000	0,0%
	Tổng CTG2030T2/01	3.500.000.000.000	100,0%	0	0,0%	3.500.000.000.000	100,0%
(10)	CTG2028T2/02						
I	Nhà đầu tư trong nước	1.175.560.000.000	99,9%	-550.000.000	0,0%	1.175.010.000.000	99,9%

1	Nhà đầu tư có tổ chức	501.180.000.000	42,6%	8.000.000.000	0,7%	509.180.000.000	43,3%
	a) Tổ chức tín dụng	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	b) Quỹ đầu tư	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	c) Công ty chứng khoán	100.000.000.000	8,5%	0	0,0%	100.000.000.000	8,5%
	d) Công ty bảo hiểm	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	đ) Các tổ chức khác	401.180.000.000	34,1%	8.000.000.000	0,7%	409.180.000.000	34,8%
2	Nhà đầu tư cá nhân	674.380.000.000	57,3%	-8.550.000.000	-0,7%	665.830.000.000	56,6%
II	Nhà đầu tư nước ngoài	1.210.000.000	0,1%	550.000.000	0,0%	1.760.000.000	0,1%
1	Nhà đầu tư có tổ chức	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
2	Nhà đầu tư cá nhân	1.210.000.000	0,1%	550.000.000	0,0%	1.760.000.000	0,1%
	Tổng CTG2028T2/02	1.176.770.000.000	100,0%	0	0,0%	1.176.770.000.000	100,0%
(11)	CTG2030T2/02						
I	Nhà đầu tư trong nước	1.282.450.000.000	100,0%	0	0,0%	1.282.450.000.000	100,0%
1	Nhà đầu tư có tổ chức	321.580.000.000	25,1%	-6.050.000.000	-0,5%	315.530.000.000	24,6%
	a) Tổ chức tín dụng	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	b) Quỹ đầu tư	10.000.000.000	0,8%	0	0,0%	10.000.000.000	0,8%
	c) Công ty chứng khoán	0	0,0%	0	0,0%		0,0%
	d) Công ty bảo hiểm	0	0,0%	0	0,0%		0,0%
	đ) Các tổ chức khác	311.580.000.000	24,3%	-6.050.000.000	-0,5%	305.530.000.000	23,8%
2	Nhà đầu tư cá nhân	960.870.000.000	74,9%	6.050.000.000	0,5%	966.920.000.000	75,4%
II	Nhà đầu tư nước ngoài	0	0,0%	0	0,0%	0	0,0%
	Tổng CTG2030T2/02	1.282.450.000.000	100,0%	0	0,0%	1.282.450.000.000	100,0%